

**CÔNG TY TNHH DOOWON EFC VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DOOWON EFC VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOOWON EFC VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107481867

**3. Ngày thành lập:** 23/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 26, Khối B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 3506; 3917; 3919; 3921; 3926; 4009; 4016; 4811; 4821; 7306; 7307; 7308; 7312; 7318; 7320; 7326; 7408; 7411; 7412; 7413; 7415; 7419; 7608; 7610; 7616; 8202; 8203; 8207; 8213; 8302; 8424; 8428; 8459; 8461; 8467; 8479; 8504; 8507; 8512; 8518; 8530; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8544; 8545; 8546; 9017; 9025; 9028; 9031; 9045 theo quy định của pháp luật (CPC 622, 632).                                    | 4690        |
| 2.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100(Chính) |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4210        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4290        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 9.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: hi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa có mã HS: 3506; 3917; 3919; 3921; 3926; 4009; 4016; 4811; 4821; 7306; 7307; 7308; 7312; 7318; 7320; 7326; 7408; 7411; 7412; 7413; 7415; 7419; 7608; 7610; 7616; 8202; 8203; 8207; 8213; 8302; 8424; 8428; 8459; 8461; 8467; 8479; 8504; 8507; 8512; 8518; 8530; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8544; 8545; 8546; 9017; 9025; 9028; 9031; 9045 theo quy định của pháp luật (CPC 622, 632).    | 4799        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu các hàng hóa có mã HS: 3506; 3917; 3919; 3921; 3926; 4009; 4016; 4811; 4821; 7306; 7307; 7308; 7312; 7318; 7320; 7326; 7408; 7411; 7412; 7413; 7415; 7419; 7608; 7610; 7616; 8202; 8203; 8207; 8213; 8302; 8424; 8428; 8459; 8461; 8467; 8479; 8504; 8507; 8512; 8518; 8530; 8535; 8536; 8537; 8539; 8541; 8544; 8545; 8546; 9017; 9025; 9028; 9031; 9045 theo quy định của pháp luật (CPC 622, 632). | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.355.500.000 VNĐ

(tương đương 150.000 USD - Một trăm năm mươi ngàn đô la Mỹ)

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH DOOWON E.F.C

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 110111-0280547

Do: Phòng ĐKKD Cơ quan thuế quận Yeoksam, Cấp ngày: 07/12/1987  
Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: 827-20, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PARK JOUNG SUL

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1967 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M33897134

Ngày cấp: 21/01/2011 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: #910, 102 Building, Shinchang Apt, 143, Mabuk-dong, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Phòng C0714, Khu Chung cư Golden Palace, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội